

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Tên thương mại	SHL SAMLEX 5025V
----------------	------------------

1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên thương mại	SHL SAMLEX 5025V
Mô tả sản phẩm	Hỗn hợp (Dầu gốc và phụ gia chống gỉ)
Phân loại nguy hiểm	Kích ứng
Ứng dụng	Dầu chống gỉ
Tên và địa chỉ nhà sản xuất	SHL ASEAN CO., LTD. Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1-Conac, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam. TEL: +84(0) 2543 876 287 - Fax: +84(0) 2543 876 288
Tên nhà cung cấp	SHL ASEAN CO., LTD.
Phòng ban	Phòng Kỹ thuật

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

PHÂN LOẠI NGUY HIỂM

Chất lỏng dễ cháy. Loại 3
Kích ứng da. Loại 2
Kích ứng mắt. Loại 2
Độc cấp tính (hít phải, sương mù) Loại 4



YẾU TỐ NHÃN DÁN

Hình GHS :

Cảnh báo

Báo cáo nguy hiểm

H302 Có hại nếu nuốt phải
H315 Gây kích ứng da.
H319 Gây kích ứng nghiêm trọng tới mắt.
H226 Chất lỏng bay hơi và dễ cháy

Biện pháp phòng ngừa

Ngăn ngừa

P264 Rửa tay và cơ thể sạch sau khi xử lý.
P270 Không ăn, uống hoặc hít khi sử dụng sản phẩm này.
P280 Mang găng tay bảo hộ / quần áo bảo hộ / bảo vệ mắt / bảo vệ mặt.
P210 Tránh xa nguồn nhiệt / tia lửa / ngọn lửa trần / bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
P233 Giữ kín thùng chứa.
P240 Tiếp đất / thùng chứa và thiết bị nhận.
P241 Sử dụng thiết bị điện / thông gió / chiếu sáng /.../ chống cháy nổ.
P242 Chỉ sử dụng các công cụ không phát tia lửa.
P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng điện tĩnh.

Biện pháp đối phó

P321 Điều trị cụ thể (xem 4 trên nhãn).
P302+P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa với nhiều xà phòng và nước.
Nếu xảy ra kích ứng da: Nhận điều trị y tế/ theo dõi.
P362+P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng.
P337+P313 Nếu kích ứng mắt vẫn còn: Nhận điều trị y tế/ theo dõi.

P370+P378	Trong trường hợp hỏa hoạn: Sử dụng hóa chất khô để dập lửa. (Xem 5 trên nhãn này)
P301+P312	NẾU NUỐT PHẢI: Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc y sĩ / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
P303+P361+P353	NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước / vòi hoa sen.
P305+P351+P338	NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục xả.

Bảo quản

P403+P235: Bảo quản ở nơi thông gió tốt. Giữ mát.

Xử lý

P501: Xử lý các chất/ thùng chứa theo các quy tắc và các quy định hiện hành.

CÁC MỐI NGUY HIỂM KHÁC

Chỉ số NFPA

Kerosene : Sức khỏe cộng đồng : 2, Cháy: 2, Phản ứng : 0

Parafinic nặng đã xử lý hydro : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy: 1, Phản ứng : 0

Parafinic nhẹ đã xử lý hydro : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy: 1, Phản ứng : 0

Barium petroleum sulfonate : Sức khỏe cộng đồng : 0, Cháy: 1, Phản ứng : 0

Calcium petroleum sulfonate : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy: 1, Phản ứng : 0

3. THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Nhận danh hóa chất	Đồng danh	Số CAS	Nồng độ (%)
Kerosene	Kerosene	8008-20-6	60 <
Parafinic nặng đã xử lý hydro	Parafinic nặng đã xử lý hydro	64742-54-7	< 20
Parafinic nhẹ đã xử lý hydro	Parafinic nhẹ đã xử lý hydro	64742-55-8	< 5
Barium petroleum sulfonate	Sulfonic acids, petroleum, barium	61790-48-5	< 5
Calcium petroleum sulfonate	Sulfonic acids, petroleum, calcium	61789-86-4	< 10
Bí mật	Bí mật	Bí mật	0.1 - 1

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

MÔ TẢ CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Dính vào mắt

Rửa sạch với nước.

Nếu kích ứng xảy ra, nhận trợ giúp y tế.

Tháo bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng làm. Tiếp tục rửa.

Nếu mắt vẫn tiếp tục đỏ ngứa và sung huyết, nhận điều trị y tế.

Dính vào da

Rửa vùng tiếp xúc với xà phòng và nước.

Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi mặc lại.

Nếu sự kích ứng da vẫn tiếp tục, nhận điều trị y tế.

Hít phải

Di chuyển ra xa nơi tiếp xúc.

Đối với những người hỗ trợ, hãy tránh tiếp xúc với chính bạn hoặc người khác.

Sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp đầy đủ.

Nếu xảy ra kích ứng đường hô hấp, chóng mặt, buồn nôn hoặc bất tỉnh, hãy tìm sự trợ giúp y tế ngay lập tức.

Nếu ngừng thở, hỗ trợ thông khí bằng thiết bị cơ học hoặc sử dụng phương pháp hồi sức miệng-miệng.

Nuốt phải

Tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức.

Nếu xảy ra kích ứng, hãy nhờ hỗ trợ y tế.
Ngăn ngừa nôn mửa. Nếu bị nôn, giữ đầu thấp hơn hông để tránh tắc nghẽn đường thở.
CHỈ DẪN CHĂM SÓC Y TẾ KHẨN CẤP VÀ ĐIỀU TRỊ ĐẶC BIỆT KHI CẦN
Nếu nuốt phải, vật liệu có thể bị hít vào phổi và gây viêm phổi do hóa chất.
Điều trị đúng cách.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

Phương tiện dập lửa phù hợp : Hóa chất khô, carbon dioxide, nước phun sương, bột bình thường.

Phương tiện chữa cháy không thích hợp: Xối thẳng dòng nước.

CÁC CHẤT ĐỘC HẠI SINH RA TRONG QUÁ TRÌNH CHÁY

Khói, hơi khói, các sản phẩm cháy không hoàn toàn, các oxit của cacbon.

BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY VÀ BÌNH CHỮA CHÁY

Sơ tán khu vực.

Ngăn chặn dòng cháy lan từ việc kiểm soát lửa hoặc sự pha loãng vào suối, cống hoặc nguồn nước uống.

Các nhân viên cứu hỏa nên sử dụng thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn và trong không gian khép kín, sử dụng thiết bị thở khép kín (SCBA).

Tắt tất cả các nguồn nhiên liệu nếu có thể, và sử dụng nước để làm nguội các vật liệu tiếp xúc với lửa.

Xịt nước làm nguội các bề mặt tiếp xúc với lửa và để bảo vệ nhân viên.

TÍNH DỄ CHÁY

Điểm chớp cháy [phương pháp]: N/A

Trên/dưới giới hạn cháy (thể tích % xấp xỉ trong không khí): Không có dữ liệu

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có dữ liệu

6. CÁC BIỆN PHÁP THOÁT KHỎI TAI NẠN

THẬN TRỌNG CÁ NHÂN, THIẾT BỊ BẢO VỆ VÀ THỦ TỤC CẤP CỨU

Thủ tục thông báo

Trong trường hợp có sự cố tràn hoặc rò rỉ, thông báo cho cơ quan chức năng có liên quan với các quy định hiện hành.

Biện pháp bảo vệ

Tránh tiếp xúc với các chất bị đổ ra.

Tránh hít phải và tiếp xúc với da.

Đeo mặt nạ phòng độc hoặc thông gió trong phòng kín gió.

Tắt nguồn tiếp xúc hoặc loại bỏ nguồn lửa.

Xem Phần 8 để được tư vấn về các yêu cầu tối thiểu đối với thiết bị bảo vệ cá nhân.

Các biện pháp bảo vệ bổ sung có thể cần thiết, tùy thuộc vào các trường hợp cụ thể và / hoặc nhận định của những người ứng cứu khẩn cấp. Đối với người ứng cứu khẩn cấp: Bảo vệ hô hấp: mặt nạ phòng độc nửa mặt hoặc toàn mặt với (các) bộ lọc hơi hữu cơ và H₂S hoặc thiết bị thở khép kín (SCBA) có thể được sử dụng tùy thuộc vào mức độ của việc tràn dầu và mức độ tiềm năng tiếp xúc.

Thiết bị (SCBA) có thể được sử dụng tùy thuộc vào quy mô của sự cố tràn và mức độ tiếp xúc.

Nếu không thể xác định được hoàn toàn sự phơi nhiễm hoặc có thể xảy ra hoặc dự đoán được môi trường thiếu oxy, thì nên dùng SCBA. Nên sử dụng găng tay làm việc có khả năng chống lại hydrocarbon thơm.

Lưu ý: găng tay làm bằng polyvinyl axetat (PVA) không chịu nước và không thích hợp để sử dụng trong trường hợp khẩn cấp. Nên dùng kính bảo hộ chống hóa chất nếu có thể bị bắn hoặc tiếp xúc với mắt.

Sự cố tràn nhỏ: quần áo bảo hộ lao động chống tĩnh điện thông thường thường vừa đủ.

Sự cố tràn lớn: nên mặc quần áo toàn thân bằng vật liệu chống hóa chất, chống tĩnh điện.

CHÚ Ý VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Sự cố tràn lớn: Bảo vệ và ngăn sự cố tràn chất lỏng để thu hồi và xử lý sau này. Ngăn chặn sự xâm nhập vào đường nước, cống rãnh, tầng hầm hoặc các khu vực hạn chế.

PHƯƠNG PHÁP VÀ VẬT LIỆU ĐỂ NGĂN CHẶN VÀ LÀM SẠCH

Trên mặt đất: Dùng rò rỉ nếu bạn có thể làm như vậy mà không có rủi ro. Thấm hoặc phủ bằng đất khô, cát hoặc vật liệu khó cháy khác và chuyển vào thùng chứa. Phục hồi bằng cách bơm hoặc với chất hấp thụ thích hợp.

Trên nước: Dùng rò rỉ nếu bạn có thể làm như vậy mà không có rủi ro. Cảnh báo phương pháp vận chuyển khác. Loại bỏ khỏi bề mặt bằng cách hút bột hoặc bằng chất hấp thụ thích hợp. Tham khảo lời khuyên của chuyên gia trước khi sử dụng chất phân tán.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

CHÚ Ý TRONG XỬ LÝ AN TOÀN

Rửa tay và cơ thể của bạn thật kỹ sau khi xử lý.

Không ăn, uống hoặc hít khi sử dụng sản phẩm này.

Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân theo yêu cầu.

Khi sử dụng sản phẩm này, Không ăn, uống hoặc hít.

Không gia nhiệt, điều áp, cắt, hàn, hàn, khoan, mài các thùng rỗng

Tránh tiếp xúc với da. Ngăn chặn sự cố tràn và rò rỉ nhỏ để tránh nguy cơ trượt.

Vật liệu có thể tích tụ các điện tích tĩnh có thể gây ra tia lửa điện (nguồn đánh lửa).

Khi vật liệu được xử lý với số lượng lớn, tia lửa điện có thể đốt cháy bất kỳ hơi dễ cháy nào từ chất lỏng hoặc cặn có thể có (ví dụ, trong các hoạt động chuyển tải).

Sử dụng quy trình liên kết hoặc nối đất thích hợp. Tuy nhiên, việc liên kết và nối đất có thể không loại bỏ được nguy cơ do tích tụ tĩnh điện.

Nhiệt độ tải hàng/ dỡ hàng: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Nhiệt độ vận chuyển: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất khi vận chuyển: Áp suất môi trường xung quanh.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ LƯU TRỮ AN TOÀN

Đậy kín thùng chứa. Xử lý các thùng chứa một cách cẩn thận. Mở chậm để kiểm soát áp suất có thể

Bảo quản ở khu vực thoáng mát, thông gió tốt. Các thùng chứa phải được nối đất và liên kết. Các thùng chứa cố định, thùng chuyển và thiết bị liên quan phải được nối đất và liên kết để ngăn tích tụ điện tích. Lưu trữ chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.

Bảo quản chất ở khu vực thoáng mát và thông gió tốt.

Đậy kín thùng chứa và không để tác động vật lý lên thùng.

Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất bảo quản: Áp suất môi trường xung quanh.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP

Không có dữ liệu

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Thông gió đầy đủ nên được cung cấp do đó giới hạn tiếp xúc không được vượt quá.

Thông gió thích hợp với thực hành kỹ thuật tốt phải được đáp ứng để giữ cho nồng độ sương dầu dưới PEL.

Kiểm tra nếu tiếp xúc phù hợp với các tiêu chuẩn tiếp xúc.

BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân khác nhau dựa trên các điều kiện tiếp xúc tiềm ẩn như thực hành xử lý, nồng độ và thông gió. Thông tin về việc lựa chọn sử dụng thiết bị bảo hộ với vật liệu này, như được cung cấp bên dưới, dựa trên mục đích sử dụng bình thường.

Bảo vệ đường hô hấp

Cần có khẩu trang nếu chất lỏng này thường xuyên được sử dụng hoặc tiếp xúc quá nhiều.

Bảo vệ mắt

Mang tấm che mặt cho phép đeo hai kính bảo hộ, bảo vệ khỏi các vật liệu phân tán hoặc chất lỏng có hại. Lắp đặt hệ thống phun rửa cho mắt và hệ thống rửa khẩn cấp kiểu vòi hoa sen gần hiện trường làm việc.

Bảo vệ tay

Đeo găng tay chống hóa chất

Bảo vệ cơ thể

Mặc các bộ đồ bảo hộ chống hóa chất.

9. THÔNG TIN LÝ HÓA

Hình thức tự nhiên	Màu nâu trong suốt
Mùi	Mùi đặc trưng
pH	Không áp dụng
Nhiệt độ nóng chảy	Không áp dụng
Nhiệt độ sôi	> 145 °C
Nhiệt độ chớp cháy	Không áp dụng
Sự Oxi hóa	Ổn định
Giới hạn cháy trong không khí	Dễ cháy nếu cao hơn điểm chớp cháy
Sự cháy nổ	Ổn định
Áp suất hơi	Không có dữ liệu
Sự hòa tan trong nước	Không hòa tan trong nước
Mật độ hơi	> 1 (Không khí=1)
Trọng lượng riêng	0.819 (15/4 °C)
Hệ số phân phối	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu
Độ nhớt	2.56 cSt (40 °C)
Khối lượng phân tử	Không có dữ liệu

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

Ổn định hóa học

Vật liệu ổn định trong điều kiện bình thường. Vật liệu không bị phân hủy ở nhiệt độ môi trường.

KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG NGUY HIỂM

Không mong đợi

ĐIỀU KIỆN VÀ VẬT CHẤT NÊN TRÁNH

Tất cả các nguồn bắt lửa và nhiệt độ quá cao và chất oxy hóa mạnh.

SẢN PHẨM PHÂN HỦY NGUY HIỂM

Các sản phẩm phân hủy nhiệt bao gồm các hợp chất Carbon độc hại (VD: CO, ..).

11. THÔNG TIN CHẤT ĐỘC

THÔNG TIN NGUY CƠ KHẨN CẤP VÀ NGUY HẠI

Hít phải

Hít phải hơi có thể gây kích ứng đường hô hấp và mắt, có thể gây đau đầu và chóng mặt, gây mê và có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương khác.

Dính vào mắt

Có thể gây kích ứng.

Dính vào da

Có thể gây kích ứng nhẹ. Kéo dài và / hoặc lặp đi lặp lại việc da tiếp xúc với các vật liệu có độ nhớt thấp có thể làm tổn thương da, có thể gây kích ứng và viêm da

Nuốt phải

Một lượng nhỏ chất lỏng được hút vào phổi trong quá trình nhập hoặc nôn có thể gây viêm phổi hóa học hoặc phù phổi.

THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính đường miệng	LD50 3,513 mg/kg Rat
Độc tính cấp tính qua da	LD50 2,302 mg/kg Rat
Độc tính cấp tính khi hít phải	LC50 4.8 mg/l 4 hr Rat
Kích ứng da	Gây kích ứng (Rabbit)

Kích ứng mắt	Gây kích ứng (Rabbit)
Mẫn cảm với da	Không gây kích ứng
Độc tính cấp tính	Không có dữ liệu
Độc tính liều lặp lại	Không có dữ liệu
Đột biến gen	Không có dữ liệu
Ảnh hưởng đối với thể hệ tiếp theo (Độc tính sinh sản)	Không có dữ liệu
Tính gây ung thư	Không áp dụng
Độc tính quan đích cụ thể	Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Lời khuyên bổ sung	Nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp, có thể gây viêm phổi nghiêm trọng do hóa chất.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH THỦY SINH VÀ ĐỘC TÍNH SINH THÁI

ĐỘC TÍNH THỦY SINH MẪN TÍNH

Chất này được mong đợi không gây độc cho cá, động vật không xương sống, tảo và vi sinh vật

LAN TRÊN ĐẤT

Độ hòa tan thấp, trôi nổi và sẽ di chuyển từ nước sang đất.

Dự kiến ngấm đất và các chất thải rắn.

PHÂN HỦY SINH HỌC

Không dễ phân hủy sinh học

KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC: Không có dữ liệu

13. XEM XÉT XỬ LÝ

QUY ĐỊNH CỦA VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Phân loại theo chất thải quy định.

PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Xử lý theo hệ thống tự xử lý hợp pháp hay thông qua công ty xử lý chất thải.

CHÚ Ý KHI XỬ LÝ

Thực hiện theo các tiêu chí chi tiết của Luật Kiểm soát Chất thải.

Cảnh báo thùng chứa rỗng

Các thùng chứa rỗng có thể chứa chất dư thừa và có thể nguy hiểm.

Không cố làm đầy hay làm sạch các thùng chứa khi không có các hướng dẫn thích hợp.

Các thùng phi trống nên trút hết chất và lưu trữ an toàn cho tới khi sửa chữa lại hay xử lý.

Các thùng phi trống nên đưa vào tái chế, phục hồi, hay xử lý thông qua nhà thầu có chất lượng phù hợp hay đã có giấy phép và theo các quy định của nhà nước.

KHÔNG TẠO ÁP LỰC, CẮT, HÀN, KHOAN, XAY, MÀI HAY ĐỂ THÙNG CHỨA TIẾP XÚC VỚI NHIỆT, LỬA, TIA LỬA ĐIỆN, ĐIỆN TÍNH HOẶC CÁC NGUỒN BẮT LỬA KHÁC.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Phân loại và Quy định Theo Quy tắc Vận chuyển và Lưu trữ Tàu của

Vật liệu nguy hiểm của Luật An toàn Tàu

Quy định: Chất lỏng dễ cháy

Cẩn thận trong quá trình vận chuyển

Tránh xa nguồn nhiệt / tia lửa / ngọn lửa trần / bề mặt nóng. - Không hút thuốc.

Ô nhiễm môi trường biển

Không có dữ liệu

Phân loại và Quy định Theo Luật Vận tải

IMDG (SEA)

Loại hàng vận chuyển : PETROLEUM DISTILLATES, N.O.S.

Phân loại & Phân khu nguy hiểm: 3 (Chất lỏng dễ cháy)

Số EMS: F-E, S-E

Số UN: 1268

Nhóm đóng gói : III

Nhãn(s): 3

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Luật Kiểm soát chất độc hại	Không áp dụng
Luật Kiểm soát an toàn khí áp cao	Không áp dụng
Luật kiểm soát chất thải	Phân loại theo chất thải đã quy định.
Luật về quản lý an toàn hàng nguy hiểm	
Loại dầu thứ hai thuộc loại chất độc hại thứ tư.	
Quy định theo luật nước ngoài	

USA : CERCLA 103(40CFR302.4) : Không áp dụng

OSHA(29CFR1910.119) : Không áp dụng

SARA 302(40CFR355.30) : Không áp dụng

SARA 304(40CFR355.40) : Không áp dụng

SARA 313(40CFR372.65) : Không áp dụng

16. THÔNG TIN KHÁC

Nguồn

Các dữ liệu nguyên vật liệu của các phòng thí nghiệm của chúng tôi, Cơ quan Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Hàn Quốc và nhà cung cấp nguyên vật liệu thô.

Viết ngày 31/08/2016

Số lần sửa đổi. Sửa đổi lần cuối ngày Rev. 1 15/06/2021

Tài liệu tham khảo khác

Các thông tin và khuyến nghị ở đây là kiến thức tốt nhất và niềm tin của chúng tôi, chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày ban hành. Các thông tin và khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng xem xét, kiểm tra. Đó là trách nhiệm của người sử dụng để đáp ứng rằng sản phẩm là phù hợp cho mục đích sử dụng. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, trách nhiệm của người mua là đảm bảo phù hợp sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác đính kèm trên thùng chứa. Các thủ tục xử lý an toàn và cảnh báo phù hợp nên được cung cấp cho người xử lý và người sử dụng. Nghiêm cấm việc thay đổi tài liệu này. Trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, không được phép công bố lại hoặc truyền lại toàn bộ hay một phần tài liệu này. Nếu bạn mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba để sử dụng ở nơi làm việc, trách nhiệm của bạn là nắm rõ các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ ai xử lý hoặc sử dụng sản phẩm được cung cấp đầy đủ thông tin trong bảng này. Nếu bạn là chủ, trách nhiệm của bạn là nói cho nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ nguy hiểm đã được mô tả trong bảng này và của bất kỳ sự phòng ngừa nên được nắm rõ.